TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con giữa chị Th với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kiều Th, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 432, tổ 15, ấp BD, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 24, ấp BD, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kiều Th trình bày:

1. Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung

không hòa hợp nên đã ly thân từ ngày 10/3/2016 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 15/9/2016, hiện cháu M đang sống chung với chị Th, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh.

Ngày 13/8/2019 nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn anh T, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn trễ hạn; Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án không ban hành quyết định gia hạn là chưa đảm bảo quy định pháp luật. Kiến nghị khắc phục những thiếu sót trên.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiền hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh chị ly thân đã lâu và quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng của anh chị, nhưng anh T vắng mặt, chứng minh anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân, nên chị Th yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th.

- Về nuôi con chung: Cháu M, sinh ngày 15/9/2016 hiện cháu M đang do chị Th chăm sóc nuôi dưỡng và cháu M chưa đến 03 tuổi. Xét thấy, yêu cầu của chị Th là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên chị Th; bản sao giấy khai sinh của M; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 258/2015, Quyển số 02/2015, ngày 10/12/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân. Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh T, anh T vắng mặt, không phản hồi ý kiến.

Xét quan hệ hôn nhân của chị Th và anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Th và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên cãi vã, ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh chị để hòa giải nhiều lần nhằm mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng, anh T vắng mặt, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc cho chị Th tự giải quyết, cho thấy anh chị đã không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th đối với anh T.

[2.2] Về con chung: Cháu M, sinh ngày 15/9/2016 hiện cháu M đang do chị Th chăm sóc nuôi dưỡng và cháu M chưa đến 03 tuổi. Xét yêu cầu của chị Th, để ổn định tinh thần, sinh sống về mọi mặt của cháu M nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu M cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy

định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều Th ly hôn với anh Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 258/2015, quyển số 02/2015 ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 15/9/2016.

- Giao cháu Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 15/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Kiều Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kiều Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số: 0010327 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân xã TMT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Khắc Chung Nguyễn Hoàng Tuấn **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Cái Dầu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA